

Bản án số: 35/2021/DS-ST

Ngày: 12/11/2021

“V/v tranh chấp về hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đồng Ánh Đông.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Trần Thị Kia.

2. Bà Nguyễn Thị Huệ.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Ngọc Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A.

Ngày 12/11/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 68/2021/TLST-DS ngày 24/9/2021, “Về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2021/QĐXXST-DS ngày 26/10/2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Thanh T, sinh năm 1975; địa chỉ: Tổ M, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Chị Trần Uyên Th, sinh năm 1976; địa chỉ: Tổ B, phường T, thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Thị Thanh T trình bày: Chị T và chị Trần Uyên Th là đồng nghiệp cùng công tác chung tại Trường Tiểu học N, thị xã A. Năm 2017, chị T có số tiền chuẩn bị trả Ngân hàng, thì chị Th hỏi mượn lại để lo việc gia đình, hứa sẽ trả tiền lãi Ngân hàng cho chị T. Ngày 25/11/2017, chị Trần Uyên Th có viết giấy mượn của chị T số tiền là 80.000.000đồng. Chị Th chỉ trả lãi Ngân hàng cho chị T được khoảng 7 đến 8 tháng thì không trả nữa. Chị T đã nhiều lần yêu cầu chị Th phải trả số tiền đã mượn nhưng cho đến nay chị Th chỉ mới trả được số tiền 25.000.000đồng, còn nợ lại số tiền 55.000.000đồng. Vì vậy, chị T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Trần Uyên Th phải trả hết số tiền còn nợ là 55.000.000đồng. Ngoài ra, chị T không yêu cầu gì thêm.

\* Bị đơn chị Trần Uyên Th trình bày: Chị Th thừa nhận có mượn của chị Lê Thị Thanh T số tiền là 80.000.000đ theo như giấy mượn tiền đề ngày 25/11/2017 do chị T cung cấp cho Tòa án. Chữ viết và chữ ký trong giấy mượn tiền là do chị viết và ký xác nhận nợ với số tiền 80.000.000đ, hiện nay đã trả được tổng số tiền 25.000.000đ, còn nợ lại số tiền 55.000.000đ. Chị Th cho rằng mỗi tháng phải trả lãi cho chị T số tiền 3.200.000đ, đến nay đã trả số tiền lãi là 70.400.000đ. Hiện nay, chị Th gặp khó khăn không có khả năng trả ngay một lần số tiền còn nợ và đề nghị trả nợ theo phương án trả dần mỗi tháng số tiền từ 500.000đ đến 1.000.000đ cho đến khi hết số tiền còn nợ là 55.000.000đ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Lê Thị Thanh T khởi kiện đối với bị đơn chị Trần Uyên Th, sinh năm 1976; địa chỉ: Tổ B, phường T, thị xã A, tỉnh Gia Lai, yêu cầu chị Th phải trả số tiền đã vay. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng vay tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã A.

[2] Về nội dung: Theo yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Thanh T, cùng với việc cung cấp chứng cứ là “Giấy mượn tiền” đề ngày 25/11/2017, chị Trần Uyên Th có vay của chị Lê Thị Thanh T số tiền 80.000.000đ, hiện nay chị Th đã trả cho chị T được tổng số tiền là 25.000.000đ, còn nợ lại số tiền 55.000.000đ. Chị Th thừa nhận số tiền còn nợ và có ký tên xác nhận nợ vào giấy mượn tiền mà chị T đã cung cấp cho Tòa án. Vậy, có đủ cơ sở xác định chị Trần Uyên Th có vay của chị Lê Thị Thanh T và hiện còn nợ số tiền 55.000.000đ, nên chị T yêu cầu chị Th phải có nghĩa vụ trả số tiền còn nợ 55.000.000đ là có căn cứ.

[3] Chị Th cho rằng mỗi tháng phải trả lãi cho chị T số tiền 3.200.000đ, đến nay đã trả số tiền lãi là 70.400.000đ. Tuy nhiên, lời trình bày của bị đơn không được nguyên đơn thừa nhận và bị đơn không đưa ra được chứng cứ gì để chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ nên không được chấp nhận. Chị Th đề nghị trả dần số tiền nợ theo phương án mỗi tháng trả số tiền từ 500.000đ đến 1.000.000đ, cho đến khi hết số tiền còn nợ là 55.000.000đ, nhưng chị T không đồng ý nên không có cơ sở để chấp nhận ý kiến đề nghị của chị Th.

[4] Theo giấy mượn tiền, các bên không thỏa thuận thời hạn trả nợ, không ghi lãi suất cụ thể, nên đây là hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi. Chị T đã đòi nợ nhiều lần nhưng chị Th chỉ trả được số tiền 25.000.000đ, còn nợ lại số tiền 55.000.000đ, nên chị T khởi kiện là có căn cứ đúng theo quy định tại các Điều 463, 466 và Điều 469 của Bộ luật Dân sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc chị Th phải trả cho chị T một lần số tiền gốc còn nợ là 55.000.000đ, khi bản án có hiệu lực pháp luật. Chị T không yêu cầu trả tiền lãi của số nợ trên nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, thì bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận. Như vậy, chị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 55.000.000đ x 5% = 2.750.000đ. Chị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 235, 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466 và Điều 469 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

2. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Thanh T.

- Buộc chị Trần Uyên Th có nghĩa vụ trả cho chị Lê Thị Thanh T số tiền gốc còn nợ là 55.000.000đồng (*Năm mươi lăm triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí: Buộc chị Trần Uyên Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 2.750.000đ. Chị Lê Thị Thanh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho chị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.500.000đ theo biên lai thu tiền số 0001567 ngày 24/9/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A, tỉnh Gia Lai.

4. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (12/11/2021), các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS TX. A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn, VPTA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**  
(*Đã ký*)  
**Đồng Ánh Đông**